

Số: ~~14~~ /HD-SNN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 01 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Quy trình kỹ thuật Chăn nuôi Bò thịt

I. ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC

- Bò là loài động vật dạ dày có 4 ngăn (dạ cỏ, dạ tổ ong, dạ lá sách và dạ múi khế). Nhai lại là một đặc điểm tiêu hóa đáng chú ý ở loài dạ dày có 4 túi. Thức ăn qua miệng được vùi vàng đưa xuống dạ cỏ. Ở dạ cỏ thức ăn được nhào, trộn với thức ăn cũ. Những thức ăn được nghiền nhỏ được đưa vào dạ tổ ong, lá sách, múi khế. Còn thức ăn to được ợ lên miệng để nhai lại lần thứ 2.

- Bò nhai lại nhiều hay ít tùy thuộc vào chất lượng thức ăn, nói chung thức ăn thô thường nhai lại lâu. Ví dụ như rơm bò phải nhai lại nhiều gấp hai lần so với cỏ tươi.

- Bò thường nhai lại khi yên tĩnh và sau khi ăn khoảng 30 - 45 phút. Trong một ngày đêm bò thường nhai lại từ 5 lần đến 6 lần, bê 15 - 16 lần. Bình quân thời gian nhai lại trong ngày của bò khoảng 7 giờ. Nếu chăn ở bãi chăn khi đã ăn no, bò nhai lại khoảng 45 - 60 phút.

Ngoài việc nhai lại thức ăn, bò còn có hiện tượng ợ hơi để thải chất khí do sự lên men trong dạ cỏ sinh ra.

II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG BÒ

1. Giống bò địa phương

Bò Ta vàng có màu từ vàng nhạt đến vàng đậm, không u vai, không yếm, nhỏ con, khối lượng bò cái trưởng thành khoảng 160 - 180 kg, bò đực 230 - 250 kg. Khả năng sản xuất thịt thấp, tỷ lệ thịt xẻ chỉ đạt 36 - 40%, bò thích nghi và chịu đựng kham khổ rất tốt.

2. Bò Sind thuần

Có nguồn gốc từ Pakistan, màu sắc từ nâu đỏ đến đỏ, đỏ vàng cánh gián sậm. Trán dồ, u vai cao, yếm rộng. Trọng lượng bò cái trưởng thành đạt 350 - 400 kg, bò đực 500 - 650 kg. Tỷ lệ thịt xẻ 50 - 52%. Tuổi thành thực sinh dục 18 - 21 tháng tuổi. Chu kỳ cho sữa là 270 ngày, năng suất sữa 1.500 - 1.700 kg/chu kỳ, tỷ lệ bơ 5 - 5,5%, tỷ lệ protein là 3,5%. Thích hợp với điều kiện khí hậu nước ta, các nhà chăn nuôi thường dùng giống bò này cho lai tạo với bò cái Việt Nam để cho con lai to con hơn bò địa phương.

3. Bò lai Sind

Bò lai Sind là kết quả lai tạo giữa bò cái vàng Việt Nam và bò Sind có màu từ vàng nâu đậm đến màu cánh gián. Trán dô, u vai cao, yếm tương đối rộng. Tùy theo mức độ máu Sind mà trọng lượng thay đổi khác nhau, bò đực nặng 450 - 480 kg, bò cái 280 - 320 kg. Thích nghi rất tốt ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Bò lai Sind dễ nuôi, ít bệnh tật, chịu đựng kham khổ tốt.

4. Bò Brahman

Có nguồn gốc từ bò Bos Indicus (Ấn Độ), có màu lông thay đổi, trắng xám đến đen nhạt ở phần đầu, u và bốn chân (Brahman trắng) và màu đỏ sáng (Brahman đỏ). Bò lớn con, u vai cao, yếm rộng, tai to và cụp. Trọng lượng bò đực trưởng thành khoảng 700 - 900 kg; con cái trưởng thành khoảng 450 - 600 kg. Khoảng cách giữa 02 lần đẻ từ 12 - 14 tháng. Động dục lần đầu từ 15 - 18 tháng tuổi. Dễ đẻ, nuôi con giỏi. Khả năng sản xuất thịt cao và chống chịu bệnh tật tốt.

5. Bò Droughtmaster

Có nguồn gốc ở vùng Bắc Queensland (Úc) lai tạo giữa bò đực có u (Bos indicus) Brahman Mỹ với giống bò cái không có u (Bos Taurus) của Anh. Bò có màu đỏ, có hoặc không có sừng. Con đực có đầu rộng vừa phải và cơ bắp nổi rõ hơn con cái, lỗ mũi rộng, lông bóng mượt, ngắn, da mềm và đàn hồi. Mắt sâu, u cao vừa phải, mình dài. Con đực trưởng thành đạt khối lượng 900 - 1.000 kg, con cái 650 - 700 kg. Tỷ lệ thịt xẻ đạt trên 60%.

6. Bò Charolais

Giống bò thịt chuyên dụng của Pháp, to con, lớn nhanh, mình dài, ngực sâu, lưng phẳng, đầu ngắn và thanh. Lông màu trắng, ánh kem sữa. Nhược điểm của bò là đẻ khó. Bò đực trưởng thành nặng 1.000 - 1.200 kg, bò cái 680 - 770 kg. Tăng trọng bình quân/ngày đối với bê đực 1.100 gram, bê cái 940 gram. Trọng lượng lúc 12 tháng tuổi, bê đực đạt 430 - 450 kg, bê cái 380 - 400 kg. Trọng lượng lúc 18 tháng tuổi, bê đực đạt 600 kg, bê cái 450 kg. Tỷ lệ thịt xẻ 60 - 62%.

7. Bò BBB "3B" (Blanc Bleu Belgo hoặc Belgian Blue Breed)

Bò 3B là giống bò có nguồn gốc ở Bỉ, được lai tạo để phát triển đặc biệt vùng thịt đùi sau. Có 03 màu lông chủ yếu là trắng, trắng loang xanh hoặc trắng loang đen. Bò 3B có thân hình đẹp, chắc nịch, cấu trúc xương vững chắc, hài hòa với xương sườn tròn, bộ cơ phát triển nhất là cơ mông và đùi sau. Bò đực trưởng thành có khối lượng 1.100 - 1.250 kg, bò cái 750 - 800 kg, mức tăng trọng trung bình đạt 1.300 gram/ngày. Tỷ lệ thịt xẻ đạt 70%, phẩm chất thịt thơm ngon. Theo thực tế chăn nuôi nên lai tạo bò 3B ở lứa F1 (tức phối để nuôi bán thịt, không nuôi giống) vì con cái sinh đẻ rất khó do xương chậu hẹp, đòi hỏi phải can thiệp phẫu thuật.

8. Bò Angus

Bò Angus là một giống bò thịt có nguồn gốc từ vùng cao nguyên phía Bắc Xcôt-len. Toàn thân bò thuần có màu đen (Black Angus) hoặc đỏ (Red Angus). Bò thường không có sừng. Bò thành thực sớm, hiệu quả sinh sản cao. Khuyết điểm của giống này là khối lượng không lớn và tăng trọng chậm. Bò đực trưởng thành 800 - 950 kg, bò cái nặng 550 - 650 kg. Nuôi thịt (vỗ béo) lúc 15 tháng tuổi bò đực đạt 450 - 460 kg, bò cái 350 - 450 kg. Tỷ lệ thịt xẻ 65 - 67%.

III. CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

1. Chuồng trại: Chuồng trại chăn nuôi bò thường đặt ở vị trí cao ráo, thoáng mát, dễ thoát nước, không bị ngập nước khi trời mưa lớn.

2. Xác định kiểu chuồng trại

- Diện tích bình quân 3 - 5 m²/con

- Có hai kiểu chuồng thường áp dụng để chăn nuôi bò:

+ *Kiểu chuồng một dãy:* Thích hợp cho chăn nuôi trong các nông hộ, quy mô nhỏ. Ưu điểm là có thể tận dụng, tiết kiệm được nguyên vật liệu, dễ đặt vị trí, thuận lợi cho công việc nuôi dưỡng và chăm sóc.

+ *Kiểu chuồng hai dãy:* Chuồng hai dãy có cửa chuồng đối nhau hoặc chuồng hai dãy đối đầu.

3. Dụng cụ chăn nuôi

3.1. Máng ăn

Máng ăn cho bò thường xây bằng gạch, láng xi măng. Không xây máng ăn quá sâu, dễ gây tổn thương thức ăn và khó vệ sinh. Đáy máng phải dốc và có lỗ thoát nước ở cuối để thuận tiện cho việc rửa máng. Thành máng phía trong phải thấp hơn thành máng ngoài để thức ăn không rơi vãi ra lối đi. Máng ăn đảm bảo đầy đủ, sạch sẽ, trong chăn nuôi tập trung định mức máng ăn trung bình 0,8 - 1,2 m/con.

3.2. Máng uống

Xây dựng hoặc bố trí gần với máng ăn để cho bò sau khi ăn xong uống nước được thuận lợi. Trong chăn nuôi tập trung máng uống có thể xây thành ô dãy dài, chiều cao 30 - 50 cm, chiều rộng 40 - 60 cm, chiều dài tùy theo ô chuồng định mức trung bình 0,7 - 1,0 m/con, ở đáy nơi thấp nhất có lỗ thoát nước, để thay rửa nước, vệ sinh máng uống khi cần thiết và luôn đảm bảo nước uống đầy đủ, sạch sẽ.

3.3. Dụng cụ vệ sinh:

Dụng cụ vệ sinh bao gồm chổi, cuốc, xẻng, thùng, xô, chậu, bình phun, khăn lau, bàn chải...ngoài việc vệ sinh chuồng trại sạch sẽ còn vệ sinh thân thể để phòng chống các bệnh ngoài da và làm tốt công tác vệ sinh môi trường.

4. Thức ăn trong chăn nuôi bò: Thức ăn vỗ béo bò bao gồm: Thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp, thức ăn tinh, thức ăn bổ sung, khoáng và vitamine...

4.1. Thức ăn thô xanh: Các loại cỏ tự nhiên, các loại cỏ trồng, thức ăn ủ chua, phụ phẩm nông nghiệp, phụ phẩm công nghiệp (bã bia, rỉ mật,...) chiếm 55 - 60% vật chất khô trong khẩu phần.

4.2. Thức ăn tinh: Các loại đậu, cám, ngũ cốc, khô dầu, thức ăn hỗn hợp... chiếm 40 - 45% vật chất khô trong khẩu phần.

4.3. Thức ăn bổ sung: Thường sử dụng đá liếm để bổ sung vitamine, khoáng cho bò.

5. Chăm sóc nuôi dưỡng

5.1. Bê từ sơ sinh đến 6 tháng tuổi

- Bê mới đẻ ra phải lau sạch nhốt ở mồm, mũi cho bê thở ngay, lau khô mình và để bò mẹ liếm, cột chỉ cắt rốn. Sát trùng cuống rốn bằng cồn iod.

- Cho bê bú ngay sữa đầu của bò mẹ vì trong sữa đầu có nhiều kháng thể giúp bê chống lại được bệnh tật.

- Bê mới sinh, dạ dày chưa phát triển, sữa là nguồn chất dinh dưỡng duy nhất trong những tháng đầu sinh trưởng vì bê chưa ăn được những thức ăn khác.

- Tuy nhiên, để hệ vi sinh vật trong dạ cỏ của bê phát triển tốt và bê biết ăn ta cần phải tập cho bê ăn sớm. Sau khi đẻ từ 12 - 15 ngày, nên tập cho bê ăn cỏ non phơi tái, có pha thêm một ít nước miếng của bò mẹ. Đến ngày 20 - 25, có thể tập cho ăn thêm một ít thức ăn tinh như cám, gạo, bột, bắp...

- Tắm chải cho bê hằng ngày, nên cho bê đi lại vận động chạy nhảy ngoài sân bãi.

5.2. Bê lỡ từ 7 tháng đến 12 tháng tuổi

- Nhu cầu cỏ xanh trong giai đoạn này 15 - 25 kg/con/ngày.

- Sau khi bú sữa mẹ 6 tháng, bê lỡ có thể ăn được một số thức ăn thô (cỏ, rơm) và thức ăn tinh. Vì thế, để đảm bảo cho bê phát triển tốt, ngoài việc chăn thả ở ngoài đồng, chúng ta cần phải cho bê ăn thêm một ít cỏ, rơm và thức ăn tinh khi về chuồng. Nếu mùa có cỏ nhiều, khi về chuồng, có thể chỉ bổ sung thêm 0,5 kg cám gạo, (có thể thay thế bằng thức ăn hỗn hợp đã được trình bày ở phần thức ăn). Nếu mùa có cỏ ít, ngoài thức ăn tinh như trên cần bổ sung thêm khoảng 5 kg cỏ hoặc rơm ủ Urê, cho nước uống đầy đủ.

- Thường xuyên tắm cho bê để giúp bê lớn nhanh.

5.3. Bò tơ từ 13 đến 18 tháng

- Đây là giai đoạn cần phải nuôi thật tốt để bò tơ có thể đạt đến trọng lượng phối giống (trọng lượng bò cái tơ đạt khoảng 200 kg). Vì thế, ngoài việc chăn thả ngoài đồng, bò tơ cần được bổ sung thêm một lượng cỏ, rơm, thức ăn củ quả

và thức ăn tinh thường xuyên. Bình quân cần bổ sung thêm cho bò tơ khoảng 2 kg cám gạo mỗi ngày.

- Nếu bò tơ đã đạt trọng lượng phối giống và đã lên giống, song tuổi còn nhỏ hơn 14 tháng, khối lượng dưới 200 kg thì không nên phối hoặc cho gieo tinh vội. Cần phải chờ cho bò tơ đến khoảng 14 tháng tuổi, khối lượng 200 kg mới bắt đầu cho mang thai.

- Sau khi phối giống hoặc cho gieo tinh xong, cần vệ sinh bò thường xuyên, tránh các tình trạng nhiễm trùng các vết thương. Tập cho bò tơ quen dần với người chăm sóc để dễ dàng chăm sóc khi bò đẻ.

5.4. Bò vỗ béo

- Bò đưa vào vỗ béo là bò cái không đủ tiêu chuẩn làm bò sinh sản và những bò đực. Những bò này phải nuôi để đạt trọng lượng giết thịt khoảng 300 kg trở lên. Đối với những bò vỗ béo này, vào giai đoạn đầu vẫn nuôi dưỡng bình thường. Nếu nuôi chăn thả ngoài đồng, khi về chuồng nên cho bò ăn thêm rơm ủ urê, khoảng 5 - 7 kg mỗi ngày. Đặc biệt cần phải tận dụng những phụ phế phẩm nông nghiệp để nuôi dưỡng bò này. Cần phải kích thích cho bò ăn càng nhiều càng tốt và tránh cho bò chạy nhảy nhiều.

- Riêng 3 tháng của kỳ vỗ béo (trước khi xuất bán) cần phải cho bò ăn thêm rỉ mật và thức ăn tinh như cám gạo, bột bắp, bột đậu... để giúp bò tăng trọng nhanh và đảm bảo chất lượng thịt tốt, bán được giá cao.

V. PHÒNG VÀ TRỊ MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP TRÊN BÒ

1. Bệnh Lở mồm long móng

- **Nguyên nhân:** Đây là loại bệnh truyền nhiễm rất nguy hiểm do vi-rút gây ra trên động vật móng guốc chẵn như heo, bò, hươu hay dê. Dịch Lở mồm long móng type O xuất hiện cả trên bò và heo, còn type A chỉ gây bệnh trên bò. Vi-rút Lở mồm long móng luôn tồn tại trong môi trường, khi điều kiện thuận lợi để phát sinh và gây bệnh. Vi-rút xâm nhập qua đường tiêu hóa là chủ yếu, vi-rút vào cơ thể qua niêm mạc miệng, ngoài ra vi-rút có thể xâm nhập vào cơ thể qua các vết thương trên da nhất là da ở vú.

- **Triệu chứng:** Khi nhiễm bệnh, con vật sốt cao 40 - 42°C kéo dài 2 - 3 ngày, ăn ít, di chuyển nặng nề; tiết nước bọt nhiều và nhiều xuông; ở vùng miệng (miệng, lợi và lưỡi), vùng chân (kẽ móng và bờ móng chân) và vú xuất hiện các mụn nước chứa dịch màu vàng nhạt. Trong vòng 24 giờ, mụn nước sẽ tự vỡ, làm bờ móng sưng đau, con vật đi lại khó khăn, phải nằm một chỗ.

- **Phòng bệnh:** Nhốt gia súc bệnh tại chuồng, không chăn thả (bò, dê). Tiến hành tiêm vắc-xin phòng cho đàn gia súc khỏe mạnh. Chăm sóc, cho gia súc ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết để tăng sức đề kháng cho chúng. Tuyệt đối không được tiếp xúc với vùng có ổ dịch, nếu bắt buộc phải tiếp xúc với vùng có ổ dịch cần phải mang đồ bảo hộ lao động cẩn thận.

- **Điều trị:** Bệnh Lở mồm long móng ở gia súc hiện nay hầu như chưa có thuốc điều trị đặc hiệu. Vì vậy chủ yếu chữa các triệu chứng gây bệnh cũng như

phòng bệnh nhiễm trùng kế phát. Dùng thuốc Vimekon liều 1/200 rửa sạch chỗ vết thương bị loét hàng ngày. Dùng thuốc Vime Blue xịt nơi vết thương bị lở loét giúp phục hồi da non nhanh hơn. Dùng thuốc Penicilline 4 triệu với liều lượng 01 lọ dùng cho 500 - 1.000 kg thể trọng gia súc. Ampicilline 01 g với liều lượng 1 lọ dùng cho 100 kg thể trọng. Penstrep 1 ml/20kg thể trọng.

2. Bệnh Tụ huyết trùng

- **Nguyên nhân:** Nguyên nhân chính là do vi khuẩn *Pasteurella multocida* gây ra, chúng thường thâm nhập qua đường tiếp xúc giữa bò khỏe mạnh với những con đã nhiễm bệnh. Ngoài ra vi khuẩn có sẵn ở trong đất vào mùa mưa nên rất dễ phân tán vào thức ăn của bò như rơm, cỏ, gia súc bị bệnh sang gia súc khỏe thông qua tiếp xúc.

- **Triệu chứng:** Đây là bệnh truyền nhiễm, bệnh có thể xảy ra quanh năm nhưng tập trung chủ yếu vào mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 9 hàng năm. Thời gian ủ bệnh từ 12 đến 48 giờ, lúc này bò khi mắc bệnh có thể bị cảm nhiễm kèm theo các dấu hiệu mệt mỏi, sốt cao từ 41 – 42⁰ C, thờ dốt, chảy dịch mũi, nước dãi, sung hầu, xù lông, ăn kém.

- **Phòng bệnh:** Tiêm vắc-xin phòng bệnh cho gia súc 2 lần/năm. Chăm sóc nuôi dưỡng tốt, chăn thả hợp lý. Giữ vệ sinh chuồng trại thoáng mát, sạch sẽ. Không đưa gia súc bệnh vào gần đàn gia súc khỏe.

- **Điều trị:** Sáng: Tianlin Thái (chứa hoạt chất Tiamulin và Colistin) với liều lượng 1ml/12kg thể trọng. Chiều: Ceftiofur với liều lượng 1 g/100kg P. Thời gian tiêm liên tục trong vòng 4 ngày.

3. Bệnh Sán lá gan

- **Nguyên nhân:** Do sán lá ký sinh trong ống dẫn mật ở bò gây ra.

Sán trưởng thành hình lá, đẻ trứng theo ống dẫn mật vào ruột và theo phân ra ngoài. Gặp điều kiện thuận lợi trứng nở thành ấu trùng non bơi tự do trong nước, nếu gặp ốc nước ngọt không có nắp miệng sẽ chui vào cơ thể ốc phát triển thành ấu trùng gây nhiễm. Ấu trùng này theo đường tiêu hóa của ốc ra ngoài môi trường nước bám vào cây cỏ thủy sinh. Bò ăn phải ấu trùng vào ruột, tại đây ấu trùng di hành theo máu đến gan phát triển thành sán trưởng thành.

- **Triệu chứng:** Sán lá gan hút máu ống mật gây viêm ống dẫn mật, canxi hóa, một số có hiện tượng xơ gan. Bệnh tiến triển làm niêm mạc nhợt nhạt, lông xù, dễ rụng, chướng bụng nhẹ, tiêu chảy, gầy yếu, thao tác kém, thủy thũng xuất hiện ở các vùng thấp của cơ thể như dưới hàm, yếm, ngực. Bò chết do kiệt sức.

- **Phòng bệnh:** Định kỳ tẩy sán 6 tháng/lần. Ủ phân bò theo phương pháp nhiệt sinh học để diệt trứng sán. Diệt ký chủ trung gian bằng cách tháo cạn nước, rắc vôi bột.

- **Tri bệnh:** Dùng một trong các loại thuốc sau: Fasiozanida cho uống 15 mg/kg thể trọng (P), Fasinex cho uống 12 mg/kg P.

4. Bệnh Tiêu chảy ở Bê (Bệnh E.coli)

- **Nguyên nhân:** Do vi khuẩn *E. Coli* gây ra, do vệ sinh chuồng trại kém, sức đề kháng của bê con yếu, do thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh.

- **Triệu chứng:** Thời gian ủ bệnh 12 - 18 giờ. Bê bị tiêu chảy, phân thường từ nhão đến toàn nước. Phân chuyển từ vàng nhạt sang màu trắng, phân có mùi hôi. Bê gầy, bần, lông xù, bê bết phân, niêm mạc nhợt nhạt.

- **Phòng bệnh:** Cần cho bê bú đầy đủ sữa đầu, đảm bảo vệ sinh chuồng trại, vệ sinh dụng cụ chăn nuôi và môi trường sạch. Giữ cho bê tránh được các yếu tố stress như: Mưa, lạnh, ẩm, thay đổi thức ăn đột ngột.

- **Điều trị:** Colistin liều 40 mg/kg P hoặc Enrofloxacin liều 30 mg/kg P, tiêm bắp. Phối hợp với Bisepton liều 30 mg/kg P, cho uống. Liều trình 4 - 5 ngày

5. Chướng hơi dạ cỏ

- **Nguyên nhân:** Chủ yếu do bò ăn phải những loại thức ăn dễ lên men, sinh hơi. Đặc biệt về mùa xuân bò thường xuyên mắc bệnh do chúng ăn quá nhiều cỏ non, cỏ xanh có chứa nhiều nước, chất nhầy. Những loại thức ăn có chứa nhiều glucid như bã mía, thân cây bắp, ngọn mía, dây khoai lang, bã đậu, thức ăn mất phẩm chất bị mốc, lúa ngập nước, cỏ úa, lá sắn, cây bắp... bà con chăn thả bò vào thời điểm giá rét, có nhiều sương muối. Bò bị què, bại liệt, bệnh lâu ngày, nằm lì một chỗ không hoạt động, cơ thể chúng bị suy nhược, sức đề kháng giảm nên dễ mắc phải một số bệnh truyền nhiễm gây sốt cao cũng gây ra bệnh chướng hơi dạ cỏ. Riêng với bê bệnh chướng hơi xảy ra do sữa không tiêu, nhiễm giun đũa.

- **Triệu chứng:** Bò biếng ăn, có khi bò ăn hoàn toàn, không nhai lại, dạ cỏ phình ra, đi lại khó khăn, bồn chồn sợ hãi, không đứng lên nằm xuống được, thở khó, mũi nở rộng, cổ dương thẳng, mắt trợn trắng. Khi bò mắc bệnh nếu bà con không xử lý kịp thời thì chúng có thể chết sau vài giờ hoặc vài ngày.

- **Phòng bệnh:** Không cho bò ăn thức ăn bị lên men, chứa nấm mốc, không chăn thả bò vào thời điểm sáng sớm vì lúc này cỏ xanh vẫn còn đang ướt sương, không nên cho ăn quá nhiều khoai mì tươi. Đối với bê cần phải tẩy giun đũa sau khi sinh từ 17 - 26 ngày. Khi bò mắc bệnh cần phải xử lý kịp thời nếu chậm trễ bò sẽ bị chết.

- **Điều trị:** Làm thoát hơi dạ cỏ bằng cách dắt bò lên dốc (cho 2 chân trước của chúng đứng lên cao), thò tay kéo lưới để kích thích ợ hơi. Kích thích co bóp dạ cỏ bằng cách dùng gừng, tỏi giã nhỏ trộn với rượu bọc vải xoa bóp mạnh vùng dạ cỏ. Mọi phân ở trực tràng, lấy rom, dẻ bọc muối rang xát mạnh bên sườn, hông trái để kích thích nhu động dạ cỏ. Thải trừ các chất còn chứa trong dạ cỏ bằng các loại thuốc tẩy an toàn có bán trên các hiệu thuốc thú y (uống 300 - 500 g $MgSO_4$ hay Na_2SO_4 hòa tan trong 2 lít nước). Dùng các loại thuốc ức chế sự lên men sinh hơi: Ichthyol 20 - 25 g/con; rượu cồn tỏi (50 g tỏi bóc vỏ giã

nát hoà trong 300 ml rượu/con), cho uống nước lá ổi 500 - 1.000 ml, nước dưa chua 500 ml...

6. Tẩy Ký sinh trùng

Diệt ngoại ký sinh trùng: Ve, rận, ruồi...

Sử dụng các loại thuốc có phổ hoạt lực rộng như Neuguvon với liều 1,25 g/lít nước. Bổ sung 50 ml dầu ăn và 20 g xà phòng bột lắc đều trước khi sử dụng. Có thể dùng giẻ để bôi thuốc hoặc dùng bình phun đều lên toàn bộ cơ thể của bò, đặc biệt là vùng bẹn, nách và yếm.

Có thể sử dụng Bayticol hoặc Amitaz thành dung dịch 0,2%, nhúng giẻ vào dung dịch xoa lên cơ thể bò.

Phun lên cơ thể bò bằng dung dịch Hantox đã pha sẵn.

Diệt nội ký sinh trùng: Tẩy giun sán

Sử dụng một trong các loại thuốc: Levamisole 7,5% (liều 01 ml/20kg P), Tolzan F liều 8 mg/kg P. *value*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- GD và các PGD Sở;
- UBND các huyện, thị xã, TP;
- Phòng NN và PTNT các huyện; Phòng Kinh tế TX, TP;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTKN.

K. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải